

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thủy.
2. Ông Phạm Ngọc Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Năng Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Cẩm T, sinh năm: 1995 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Tấn T, sinh năm: 1988 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N; Địa chỉ; Số 02, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Phan Hữu N, chức vụ Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. là người đại diện ủy quyền.

(Bà T, ông T có mặt, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng ông N có công văn chưa khởi kiện và không tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2019, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm T trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Bà và ông T đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 21/5/2015. Trong thời

gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Trần Tấn T, sinh ngày 14/01/2015, giới tính: Nam. Thời gian đầu chung sống hòa thuận nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do sống không hợp nhau nên vợ chồng thường cãi vã, bất đồng quan điểm và ông T tỏ ra ghen tuông bà T với người khác. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà là người trực tiếp nuôi con. Gia đình hòa giải nhiều lần để đoàn tụ nhưng bà T kiên quyết ly hôn với ông T, bà nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ gia đình và không còn tình cảm với ông T, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

2. *Về con chung*: Bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Trần Tấn Thiện, sinh năm: 14/01/2015, giới tính: Nam và bà không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Nợ Ngân hàng N thông chi nhánh huyện Tân Hưng, tỉnh Long An số tiền 90.000.000đ và lãi suất phát sinh.

Trong biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn Trần Tấn T trình bày:

1. *Về hôn nhân*: Thống nhất theo trình bày của bà T về hôn nhân và con chung. Ông có đăng ký kết hôn với bà T theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tân Hưng vào ngày 21/5/2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Trần Tấn T, sinh ngày 14/01/2015, giới tính: Nam. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến cuối năm 2019 thì bà T đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Nguyên nhân mâu thuẫn, ông T cho rằng do bà T có nhiều mối quan hệ xã hội, nhậu nhẹt, ông khuyên không được nên bà T tự ái bỏ về nhà mẹ ruột sống từ ngày 28/11/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và được hai bên gia đình hòa giải đoàn tụ. Đồng thời, ông vẫn thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc vợ con. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, trước đây ông có lời nói không tốt với bà T nhưng ông có xin lỗi bà T, ông cam kết khắc phục, sửa chữa và ông yêu cầu được đoàn tụ nuôi con và trả nợ Ngân hàng.

2. *Về con chung*: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con chung tên Trần Tấn T, sinh ngày 14/01/2015, giới tính: Nam cho bà T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc và ông không cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Nợ Ngân hàng N thông chi nhánh huyện Tân Hưng, tỉnh Long An số tiền 90.000.000đ và lãi suất phát sinh.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông Phan Hữu N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Tân Hưng, tỉnh Long An có văn bản số: 15/NHNo-TH, ngày 06/01/2020 chưa khởi kiện và không tham gia tố tụng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bà phạm Thị Cẩm T khởi kiện ông Trần Tấn T về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử và thư ký đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng đúng quy theo quy định.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với ông Trần Tấn T là không có cơ sở vì: giữa hai người không có mâu thuẫn gì trầm trọng, ông T luôn chăm sóc vợ con và cũng không có hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe bà T. Hơn nữa, ông T còn yêu thương vợ con và mong muốn đoàn tụ gia đình, cụ thể là khi bà T bỏ về nhà mẹ ruột thì một, hai ngày ông T điều đến thăm vợ con. Đồng thời, bà T cũng thừa nhận ông T không có đánh đập hành hạ bà, từ khi bà về nhà cha mẹ ruột sống thì ông Tài có đến nhiều lần năn nỉ bà về chung sống nhưng bà không đồng ý. Do đó, yêu cầu của bà Phạm Thị Cẩm T là không có căn cứ xem xét theo khoản 1, Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014.

Ông T không đồng ý ly hôn với bà T do vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, ông xin được đoàn tụ với bà T là có cơ sở vì: giữa ông với bà T không có mâu thuẫn trầm trọng, ông T chịu khó làm ăn để lo gia đình, là người có trách nhiệm với vợ con, hiện nay ông có nguyện vọng đoàn tụ gia đình để lo nuôi dưỡng con chung. Do đó lời trình bày của ông T là có căn cứ xem xét theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Do yêu cầu ly hôn của bà T không có căn cứ xem xét nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Nợ ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện Tân Hưng, tỉnh Long An số tiền 90.000.000đ. Do ngân hàng chưa khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà T là không có căn cứ xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Tấn T và nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Trần Tấn T cư trú tại ấp K, xã H, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn. Bà T và ông T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019, trong thời gian sống ly thân bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trong thời gian ly thân, hai bên gia đình tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn để đoàn tụ. Đồng thời, ông T vẫn thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc vợ con. Ông T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, trước đây ông có lời nói không tốt với bà T nhưng ông có xin lỗi bà T, ông T cam kết khắc phục, sửa chữa và ông yêu cầu được đoàn tụ nuôi con và trả nợ Ngân hàng.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông T mâu thuẫn chưa trầm trọng, hai vợ chồng tự điều chỉnh được, cần có thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở.

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T là không có căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Do Hội đồng xét xử nhận định không chấp nhận yêu cầu của bà T, nên về nuôi con không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Cẩm T, ông Trần Tấn T có nợ Ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện Tân Hưng số tiền 90.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Do Ngân hàng có văn bản không khởi kiện và không tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị Cẩm T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm;

Ông Trần Tấn T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trần Tấn T.

2. Về con chung và tài sản chung: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T nên không xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện Tân Hưng số tiền 90.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Do Ngân hàng không khởi kiện và không tham gia tố tụng nên không đề cập đến.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị Cẩm T phải chịu án phí 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0008022 ngày 05/12/2019 tại chi cục Thi hành án huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà Cẩm T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Trần Tấn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA.

Ngô Văn Thành